

Bản án số: 68/2022/HS-ST

Ngày: 20-9-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Minh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Khánh
Bà Nguyễn Thị Anh Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Nhung – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Văn T**, sinh năm 1999. Giới tính: Nam; ĐKHKTT: Xóm 9, xã N, huyện N, tỉnh N; chỗ ở hiện nay: Tổ 10, phường N, thành phố C, tỉnh C; Nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn L và bà Hoàng Thị P; Gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ 2; vợ Nông Thị L, sinh năm 1998; Có 01 con, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 13/01/2020 bị Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền (mức phạt 1.500.000 đồng) về hành vi Đánh bạc (đã nộp phạt). Ngày 30/6/2020 bị Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền (mức phạt: 2.000.000 đồng) về hành vi xâm hại sức khỏe người khác (đã nộp phạt). Bị cáo bị bắt khẩn cấp và bị tạm giữ từ ngày 18/2/2022, đến ngày 27/2/2022 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Nam Định. Có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Văn Đ**, sinh năm 2001. Giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm 10, xã N, huyện N, tỉnh N; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn B và bà Vũ Thị Đ; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/8/2018 bị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử 24 tháng tù giam về tội “Giữ người trái pháp luật”. Ra trại ngày 31/10/2019 (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 23/3/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Nam Định. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của BLTTHS:* Ông Mai Xuân Chiến – Luật sư văn phòng luật sư Xuân Chiến – Đoàn luật sư tỉnh Nam Định. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của BLTTHS:* Ông Ngô Duy Đông – Luật sư văn phòng luật sư Hoàng Khôi – Đoàn luật sư tỉnh Nam Định. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn Đ1, sinh năm 1989;
Địa chỉ: Xóm 16, xã N, huyện Nghĩa H, tỉnh N. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Ông Nông Tuấn C, sinh năm 1969;
Trú tại: Tổ 10 phường N, thành phố C, tỉnh Cao. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*
1. Anh Nguyễn Tiến Đ. Vắng mặt.
 2. Chị Phạm Thị N. Vắng mặt.
 3. Chị Vũ Thị Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vũ Văn T và anh Phạm Văn Đ1 (sinh năm 1989, HKTT: xóm 7, xã N, huyện N, tỉnh N) có quen biết với nhau từ trước. Năm 2020, T lên quê vợ ở thành phố Cao Bằng làm dịch vụ kinh doanh quán karaoke, trong quá trình kinh doanh, T nhiều lần vay tiền của anh Đ1 sau đó đã thanh toán. Ngày 28/10/2021 T vay của anh Đ1 số tiền 160.000.000 đồng với lãi suất 2.000.000 đồng/triệu/ngày và thế chấp cho anh Đ1 01 chiếc xe ô tô Mazda 3, màu trắng (T và anh Đ1 khai không nhớ biển số xe). Sau đó T hỏi vay thêm tiền và anh Đ1 đã 03 lần chuyển tiền qua tài khoản cho T vay vào các ngày 1, 2, 3/11/2021 với tổng số tiền 59.700.000 đồng.

Do chiếc xe ô tô Mazda 3 là xe T thuê của một người trên Cao Bằng sắp hết thời gian thuê xe (T khai thuê qua thông tin người cho thuê đăng trên facebook nên T không nhớ tên, địa chỉ người cho thuê) nên T dự định về quê vay tiền của bố mẹ trả cho Đ1 để lấy xe Mazda 3 về trả cho người cho thuê. Chiều ngày 04/11/2021 T mượn xe ô tô nhãn hiệu Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 của bố vợ là ông Nông Tuấn C (sinh năm 1969, trú tại: tổ 10, phường Ng, thành phố C) với lý do đi về quê có việc và rủ thêm Phạm Văn Đ (là bạn làm ở quán hát của T tại Cao Bằng) cùng về Nam Định. Khi đưa cho T mượn xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21, ông Nông Tuấn C đưa cho T một chiếc khóa điện của xe ô tô được móc cùng với một thanh kim loại khắc mặt khẩu của khóa điện; còn giấy tờ xe ông Cường luôn để ở trong hộc để đồ trước ghế lái phụ. Khi rủ Đ về Nam Định, T nói cho Đ biết là về để lấy xe ô tô Mazda 3 đã cầm cho Đ1 khi vay tiền. Đồng thời T thuê anh Nguyễn Tiến Đ (tên thường gọi là T1) sinh năm 1993, HKTT: Tổ 7, phường N, thành phố C lái xe đưa T, Đ về Nam Định để lấy xe ô tô đưa lên Cao Bằng.

Khoảng 21 giờ ngày 04/11/2021 Đ điều khiển xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 chở T và Đ về Nam Định. Đến khoảng 5 giờ sáng về đến đầu thành phố Nam Định, T thuê cho Đ một phòng nghỉ tại khách sạn Prato - KĐT Hòa Vượng, TP Nam Định (đối diện siêu thị Big C cũ) để ngủ, rồi lấy xe ô tô Xpander chở Đ về quê ở Nghĩa Thái. Sau đó T đi xe quay lại thành phố, thuê thêm 1 phòng nghỉ tại khách sạn Prato. Đến trưa T đưa Đ đi ăn cơm, rồi lại chở Đ về khách sạn Prato. Do không vay được tiền của bố mẹ để trả cho Đ1 lấy lại xe Mazda 3 nên chiều ngày 5/11/2021 T đã rủ Đ đi gặp Đ1 tại quán trà gần thành phố Nam Định. Tại đây, T đặt vấn đề xin được lấy xe Mazda 3 về thì anh Đ1 nói về nhà anh Đ1 nói chuyện với chị The (là vợ anh Đ1) nên cả 03 về nhà anh Đ1. Tại nhà anh Đ1, cả 04 người gồm T, Đ, vợ chồng anh Đ1 ngồi ở bàn nói chuyện, T đặt vấn đề xin được lấy xe Mazda 3 về trả người cho thuê và xin được trả dần số tiền nợ nhưng chị The không nhất trí và yêu cầu T phải để lại xe ô tô Mitsubishi Xpander thế chấp thay cho xe ô tô Mazda 3, khi nào trả hết tiền thì lấy xe về. T không đồng ý. Khoảng 10 phút sau thì T và Đ ra về, T chở Đ về nhà Đ ở Nghĩa Thái rồi trở về khách sạn nghỉ ở đó. Lúc này, T nảy sinh việc đánh thêm 1 chiếc khóa điện xe ô tô Mitsubishi Xpander của bố vợ để sau khi thế chấp xe Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 đổi lấy lại xe ô tô Mazda 3, sẽ đưa cho Đ1 chiếc khóa điện đánh thêm và T sẽ dùng chiếc khóa điện gốc của bố vợ đưa để lấy trộm lại xe Xpander đưa về Cao Bằng. T đã vào tài khoản Facebook của mình có tên là “T Con” để tìm kiếm địa chỉ làm khóa điện ô tô. T tìm thấy một tài khoản Facebook (T không nhớ tên) có đăng thông tin làm chìa khóa điện ô tô nên đã gọi điện đến số điện thoại đăng trên tài khoản facebook. Qua điện thoại T được biết người làm khóa điện ô tô ở thành phố Nam Định và đã cung cấp mặt khẩu khóa điện xe ô tô

Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 để họ làm. Đến khoảng 17 giờ chiều, người làm khóa liên lạc với T để giao khóa điện và được T hẹn ở Big C Nam Định để cài đặt khóa điện với xe ô tô. Sau khi cài đặt xong, T thanh toán tiền làm chìa khóa điện là 1.500.000 đồng. Khoảng 18h 30 phút, T nhắn tin cho anh Đ1 qua facebook có nội dung T thế chấp xe Xpander vào thay cho xe Mazda và vay thêm Đ1 30 triệu đồng. Đến tối T chở Đ về xã Nghĩa Thái để ăn cơm uống rượu với bạn của T, gồm có Đ, anh Đ1, T2 (Vi), C1 (muối). Khi đang ăn cơm, Đ bảo T cho về khách sạn nghỉ trước và T đã bắt xe taxi để chở Đ về khách sạn Prato còn T ở lại thêm một lúc rồi đi xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 về khách sạn nghỉ.

Đến chiều ngày 06/11/2021 T ngủ dậy và gọi điện cho anh Đ1 hẹn khoảng 7 giờ tối gặp ở thị trấn Liễu Đề, huyện Nghĩa Hưng để đưa xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 thế chấp cho anh Đ1 và lấy lại xe ô tô Mazda 3 đồng thời vay thêm của anh Đ1 30 triệu đồng, anh Đ1 đồng ý. Qua ứng dụng Messenger của facebook, T nhắn tin trao đổi cho Đ biết việc cầm xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 thay cho xe Mazda 3 từ chỗ Đ1 và vay thêm tiền. Trong thời gian từ ngày 04- 06/11/2021 T và Đ chỉ liên lạc với nhau qua facebook, không gọi điện, nhắn tin bằng số điện thoại với nhau vì Đ không có điện thoại di động. Đ thi thoảng mượn điện thoại di động của em gái là Phạm Thị N (sinh năm 2004, HKTT: xóm 10, xã Nghĩa Thái, huyện Nghĩa Hưng) để đăng nhập facebook, Zalo (tài khoản facebook, Zalo của Đ đều có tên “Đ Đào Hoa”) nhắn tin, trao đổi với T.

Đến khoảng hơn 18 giờ tối, T đi xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 chở Đ vào nhà hàng Hải Yến- thị trấn Liễu Đề, huyện Nghĩa Hưng ăn cơm và trên đường đi đổi lái cho Đ. Khi đang ăn cơm Đ đi xe máy đến nhà hàng Hải Yến mua cho Đ1 chiếc điều thuốc lá điện tử. Đến khoảng hơn 19 giờ vợ chồng anh Đ1 đi xe ô tô Mazda 3 màu trắng đến nhà hàng Hải Yến và cùng T ra xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 nói chuyện. T lấy trong hộp xe bộ giấy tờ xe ô tô cho Đ1 kiểm tra, sau đó tất cả vào trong quán ăn thì chị The đưa cho T vay thêm số tiền 30.000.000 đồng. T đưa khóa xe điện ô tô mới làm thêm giao cho Đ1, còn T giữ lại chiếc khóa điện gốc. Sau khi vợ chồng anh Đ1 điều khiển xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 về, T bảo Đ về xem Đ1 để xe ô tô Xpander ở đâu để đêm xuống lấy xe; đồng thời hỏi Đ “tối anh xuống anh gọi cho mày bằng số điện thoại nào” thì Đ cho T số điện thoại 0365386612 (là số máy điện thoại của mẹ Đ) để liên lạc. Sau đó T dùng xe ô tô Mazda 3 đưa Đ về khách sạn Prato. Đến khoảng 22 giờ đêm, T bảo Đ dọn đồ đạc về Cao Bằng luôn, rồi lấy xe ô tô Mazda 3 chở Đ về xã Nghĩa Thái. Trên đường đi T gọi điện cho Đ qua số điện thoại 0365386612, bảo Đ ra cầu Tam Thôn, xã Nghĩa Thái để đi cùng lấy xe ô tô. Khi

đón được Đ ở cầu Tam Thôn, T đổi lái cho Đ và ngồi ghế sau cùng với Đ. Trên xe Đ là người chỉ đường để Đ lái xe trên đoạn đường nhựa từ cầu Tam Thôn đi UBND xã Nghĩa Thái. Khi đến đầu ngõ vào Đ làng Nhân Hậu - xã Nghĩa Thái (đối diện sân bóng xã Nghĩa Thái) thì Đ bảo Đ dừng xe ở đầu ngõ còn T và Đ đi bộ vào trong ngõ để lấy xe. Trên xe, T nói với Đ “anh có chìa khóa phụ, mày đi cùng anh vào lấy xe”. Đ dẫn T đi bộ vào ngõ, đi qua Đ làng rồi rẽ trái vào trong ngõ, đi hết tường rào bên hông của Đ làng Nhân Hậu thì T phát hiện thấy chiếc xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 để ngay sát tường rào phía sau của Đ làng, đầu xe quay ra ngõ còn đuôi xe hướng vào cửa cổng nhà dân. Để ý không thấy có người nên T đã dùng chiếc khóa điện khởi động cùng với Đ lấy trộm, điều khiển xe ô tô ra đầu ngõ theo lối T, Đ đi bộ vào. Khi ra đến đầu ngõ, T kéo cửa kính xe, bảo Đ chạy xe Mazda 3 theo sau. T cho Đ xuống ở chân cầu Tam Thôn rồi cùng với Đ đi 2 xe ô tô về thành phố Cao Bằng. Đến khoảng 15 giờ chiều T và Đ về đến nhà bố vợ T ở thành phố Cao Bằng, T lấy xe máy chở Đ về nhà và trả công tiền thuê Đ lái xe là 3.000.000 đồng. Đến sáng ngày 07/11/2021 anh Đ1 phát hiện xe bị mất và nghi ngờ T lấy trộm nên đã gọi điện, nhắn tin cho T. T thừa nhận với anh Đ1 là đã tự ý lấy xe Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21.

Ngày 16/02/2022, anh Đ1 đã đến Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh trình báo và giao nộp 01 (một) khóa điện ô tô màu đen, vỏ bằng nhựa, một mặt có logo của Mitsubishi, mặt sau có 3 nút bấm bằng điện được móc cùng với một bấm móng tay bằng kim loại, một que chọc sim điện thoại sáng màu. CQĐT đã tiến hành thực nghiệm sử dụng chìa khóa này mở khóa cửa xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 kết quả: mở được xe ô tô, nổ máy và điều khiển vận hành.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 23/02/2022 của Hội đồng Đ giá trong tố tụng hình sự xác định chiếc xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A - 073.21 tại thời điểm tháng 11/2021 có giá trị là 621.391.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Văn T đã thành khẩn thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên và khai nhận: Do xe Xpander mượn của bố vợ nên đã lấy về để trả cho bố vợ. Sau đó, khi anh Đ1 gọi điện cho T thì T thừa nhận đã lấy xe và xin anh Đ1 được trả dần số tiền đã vay nhưng do dịch covid, quán karaoke bị đóng cửa nên chưa có tiền thanh toán cho anh Đ1. Việc lấy xe có nói cho Đ biết và nhờ Đ tìm chỗ anh Đ1 cất xe, không nói cho Đ biết việc lấy xe Xpander.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn Đ thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội như nêu trên và khai nhận: Biết việc T đổi xe Xpander thế chấp thay cho xe Mazda 3, khi T nhờ tìm chỗ anh Đ1 cất xe đã tìm hộ T và dẫn T đến lấy xe.

Tại Cơ quan điều tra, anh Nguyễn Tiến Đ khai nhận: Được Vũ Văn T thuê lái xe đưa T về Nam Định để lấy xe đưa lên Cao Bằng. Đ không được biết việc T thế chấp xe ô tô Mazda 3 để vay tiền của Đ1 và không biết việc T mang xe

Mitsubishi Xpander BKS: 11A- 073.21 về Nam Định để thế chấp thay cho xe Mazda 3. Việc T đánh thêm 1 khóa điện xe của ô tô Xpander và việc T, Đ đi vào trong ngõ Đ làng Nhân Hậu, xã Nghĩa Thái để lấy trộm xe ô tô thì Đ không được T hay Đ trao đổi, bàn bạc. Trên xe ô tô chở T, Đ đến đầu ngõ Đ làng Nhân Hậu thì Đ có nghe được T bảo Đ là “Anh còn một chìa khóa khác bây giờ đi vào chỗ nó lấy xe”

Tại Cơ quan điều tra, chị Phạm Thị N (sinh năm 2004, HKTT: xóm 10, xã N, huyện N- là em gái ruột Đ) khai: Đầu tháng 11/2021 Đ có ở nhà nhưng không có điện thoại di động, đến ra Tết âm lịch thì mới được mẹ cho tiền mua điện thoại. Hàng ngày Đ có mượn điện thoại Iphone 6S của N để đăng nhập, sử dụng Facbook, Zalo (tài khoản Facebook, Zalo của Đ đều có tên là “Đ Đào Hoa”). Ngoài ra Đ còn mượn điện thoại màn hình đen trắng, lắp sim số: 0365386612 của mẹ Đ là chị Vũ Thị Đ để sử dụng.

Tại Cơ quan điều tra, ông Nông Tuấn C khai: T hỏi mượn xe ô tô của ông để đi về Nam Định, sau 02 ngày thì đem trả, ông không biết việc T đã thế chấp xe cho anh Đ1 và trộm cắp lại.

* Cáo trạng số: 56/CT-VKS ngày 02-8-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố: Vũ Văn T, Phạm Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố, thừa nhận cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan; các bị cáo đều ăn năn về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử cho hưởng lượng khoan hồng, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định trình bày luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và quyết định đã truy tố. Sau khi xem xét đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Vũ Văn T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt Phạm Văn Đ từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Xét các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí theo quy định của pháp luật.

- Luật sư Mai Xuân Chiến bào chữa cho bị cáo Vũ Văn T trình bày quan

điểm: Hoàn T nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo T. Bị cáo bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Nhất trí với mức hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Luật sư Ngô Duy Đông bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ trình bày quan điểm: Nhất trí với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo Đ. Mức hình phạt như đề nghị của Viện kiểm sát cũng là thoả đáng. Song xét bị cáo là người bị rủ rê, là đồng phạm với vai trò thứ yếu, không được hưởng lợi gì, hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông và bố có tham gia quân đội, thiệt hại chưa xảy ra. Mong Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tuyên cho bị cáo Đ một hình phạt ở mức khởi điểm của Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài sản; Bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận: Khoảng 23 giờ ngày 06/11/2021, tại khu vực xóm 7, xã N, huyện Nghĩa H, tỉnh N, Vũ Văn T và Phạm Văn Đ lén lút dùng chìa khoá điện mở khoá và chiếm đoạt chiếc xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A – 073.21 trị giá 621.391.000 đồng do anh Phạm Văn Đ1 quản lý.

Hành vi nêu trên của Vũ Văn T và Phạm Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định là có căn cứ pháp lý.

Hành vi phạm tội của Vũ Văn T và Phạm Văn Đ được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tự nhận thức và biết việc làm của bản thân

là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi cá nhân mà vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Vũ Văn T và Phạm Văn Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân; ngay sau khi lấy được xe, bị cáo T đã mang xe về trả ngay cho ông C; bị cáo T cũng đã tác động gia đình lo hoàn trả cho bị hại số tiền đã vay, cầm cố xe do vậy hành vi phạm tội của các bị cáo là chưa gây thiệt hại gì nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T; bị cáo T có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính nên T còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét thấy, các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Đ tham gia với vai trò là đồng phạm giúp sức. Do vậy, có đủ căn cứ để áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự, quyết định cho các bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian. Như vậy cũng đủ để cải tạo giáo dục các bị cáo và làm gương cho kẻ khác, đồng thời cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải về hành vi sai phạm của mình nhưng cũng vẫn đáp ứng được công cuộc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[5] Xét các bị cáo không có công ăn việc làm, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A – 073.21 do T mượn của ông Nông Tuấn C rồi đem thế chấp cho anh Phạm Văn Đ1 để vay tiền. Sau đó, T và Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A – 073.21 do anh Đ1 đang quản lý. Đến nay, chiếc xe ô tô Mitsubishi Xpander BKS: 11A – 073.21 T đã trả lại cho ông C.

Vũ Văn T có vay của anh Phạm Văn Đ1 số tiền 249.700.000 đồng. Sau khi trộm cắp xe ô tô đã thế chấp, T xin anh Đ1 được thanh toán dần nhưng do dịch covid nên T không kinh doanh được và chưa có tiền để thanh toán nên không có căn cứ xác định T có ý thức chiếm đoạt số tiền này. Việc vay mượn này là giao dịch dân sự. Đến nay, bị cáo đã tác động gia đình trả cho anh Đ1 số tiền là 190.000.000 đồng và cam kết trong 01 năm sau gia đình sẽ trả hết toàn bộ số tiền

cho anh Đ1. Anh Đ1 xác nhận và không có đề nghị gì nên phân trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra có thu giữ 01 khoá điện ô tô màu đen, vỏ bằng nhựa một mặt có logo của Mitsubishi mặt sau có 3 nút bấm bằng điện được móc cùng với một bấm móng tay bằng kim loại, một que chọc sim điện thoại sáng màu do anh Đ1 giao nộp. Xét không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu huỷ.

Một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12 màu xanh đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Văn Đ. Xét thấy, không có liên quan đến tội phạm nên tuyên trả lại cho Phạm Văn Đ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với Nguyễn Tiến Đ: Đ có hành vi chở Vũ Văn T và Phạm Văn Đ đến địa điểm lấy xe Xpander; Đ không biết việc T thể chấp xe Xpander cho anh Đ1; không biết T, Đ lấy xe khi chưa được sự đồng ý của anh Đ1 nên không đồng phạm với T và Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Vũ Văn T, Phạm Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn T 7 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18-02-2022.

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 173; h,s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Đ 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23-3-2022.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ 01 khoá điện ô tô màu đen, vỏ bằng nhựa một mặt có logo của Mitsubishi mặt sau có 3 nút bấm bằng điện được móc cùng với một bấm móng tay bằng kim loại, một que chọc sim điện thoại sáng màu.

- Tuyên trả lại cho Phạm Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12 màu xanh đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Chi tiết cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 70/22 ngày

09-8-2022 giữa phòng PC02 - Công an tỉnh Nam Định với Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng.

Báo bị cáo Vũ Văn T, Phạm Văn Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Văn Đ1, ông Nông Tuấn C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND - VKSND Cấp cao;
- CA; VKS tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Thị Minh Hồng